

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Ân

Ông Bùi Tấn Đô

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đào Hạnh D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: A, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: 1 N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: 5F – 3, số B, phố D, quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Đào Hạnh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Xuân S quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau. Đến năm 2015 thì bà và ông S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2015, ngày 13/10/2015. Sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông S cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan được một thời gian thì bà mang thai con đầu lòng nên trở về Việt Nam để được gia đình chăm sóc, còn ông S tiếp tục ở lại Đài Loan làm việc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thường xuyên liên hệ, ông S cũng sắp xếp thời gian để về thăm mẹ con bà, đến năm 2019 thì bà sinh bé thứ hai. Năm 2021,

khi đại dịch C diễn ra, việc qua lại trở nên khó khăn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do khoảng cách địa lý gây nên những bất đồng quan điểm trong đời sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và cũng kể từ đó ông S không về thăm bà và các con, phó mặc bà một mình nuôi con mà không thăm hỏi, chăm sóc, động viên hay chu cấp bất kỳ thứ gì. Đã nhiều lần 2 bên gia đình muốn hàn gắn cho vợ chồng nhưng đều không thành.

Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa bà và ông S không còn tình cảm, vì vậy, bà làm đơn ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S để chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện nay.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Trâm A, sinh ngày 03/02/2017 và cháu Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 06/8/2019. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Xuân S đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo thủ tục tố tụng của P, nhưng ông vắng mặt không lý do và không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có lời khai, không có đơn xin vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án:

Bà Đào Hạnh D và ông Nguyễn Xuân S có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2015 tại UBND phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo bà D trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống trong việc sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Nay nhận thấy hai bên không tìm được tiếng nói chung, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không còn ai quan tâm đến ai nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông S. Xét thấy bà D và ông S không còn liên lạc với nhau, sống xa cách nhau về vị trí địa lý, cuộc sống hôn nhân khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà D yêu cầu ly hôn ông S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: quá trình chung sống bà D, ông S có hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Trâm A, sinh ngày 03/02/2017 và cháu Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh

ngày 06/8/2019. Ly hôn bà D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, tạm thời không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Trâm A và Bảo N đang sinh sống cùng bà D, quá trình giải quyết vụ án ông S không có mặt để trình bày ý kiến của mình vì vậy cần giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng là hợp lý, tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, ông S không có lời khai nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Đào Hạnh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Đào Hạnh D khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Xuân S, ông S hiện đang sinh sống tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Xuân S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông không đến Tòa làm việc cũng như tham dự phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2015, ngày 13/10/2015 là hôn nhân hợp pháp nên bà D được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo bà D trình bày bà và ông Nguyễn Xuân S quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau. Đến năm 2015 thì ông và bà đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng sinh sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do khoảng cách về địa lý, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng gay gắt. Ông S sinh sống và làm việc tại Đài Loan, từ năm 2021 ông không trở về Việt Nam thăm nom chăm sóc bà và các con, để mặc bà tự chăm sóc, nuôi dạy con chung, từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Ông bà và hai bên gia đình đã tìm cách khắc phục tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân nhưng không thành, nay bà D cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S.

Xét thấy, bà D, ông S sống xa cách nhau về vị trí địa lý nên cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Quá trình Tòa án giải quyết đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông không đến Tòa án làm việc cũng như không có lời trình bày, thể hiện ông bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình,

không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D, cho bà Đào Hạnh D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Trâm A, sinh ngày 03/02/2017 và cháu Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 06/8/2019. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Trâm A và Bảo N đang sinh sống cùng bà D, quá trình giải quyết vụ án ông S không có mặt để trình bày ý kiến của mình vì vậy cần giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2024, cháu Nguyễn Quỳnh Trâm A cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà D nên cần tiếp tục giao hai cháu cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có lời trình bày do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đào Hạnh D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474, 477 và 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 123, 124 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Hạnh D đối với ông Nguyễn Xuân S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Hạnh D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Quỳnh Trâm A, sinh ngày 03/02/2017 và Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 06/8/2019 cho bà Đào Hạnh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Xuân S không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đào Hạnh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000727 ngày 21/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà D đã nộp xong án phí.

3. Bà Đào Hạnh D được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Ông Nguyễn Xuân S được quyền kháng cáo trong hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường X, TP. L;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên